

Bản án số: 51/2025/HN&GD-ST

Ngày: 19/12/2025

V/v : *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ái Thương và bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà:
Bà Đàm Thị Trang - Kiểm sát viên

Ngày 19/12/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2025/TLST-HN&GD ngày 02/10/2025 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXX-ST ngày 01/12/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981

Nơi cư trú: 1 N, phường H, thành phố Hải Phòng

Số CCCD: 030181013867 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/7/2021.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

ĐKKHKT: Tổ dân phố K, phường B, thành phố Hải Phòng.

Nơi ở hiện nay: 151/34/4/32 LK 4-5, KP5, phường B, thành phố Hồ Chí Minh.

Số CCCD: 030081005347 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/11/2023.

(Chị H và anh T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ

sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường H, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống với nhau tại phường N, thành phố Hải Phòng. Anh chị chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 01 năm thì anh T vào trong miền N làm ăn, thỉnh thoảng về bắc còn lại hầu hết thời gian là anh ở trong miền N. Đến khoảng năm 2012, vợ chồng chị bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh T đi làm ăn xa, chị đã nhiều lần khuyên anh T chuyển về làm gần để các con được gần gũi bố và gia đình được chung sống với nhau nhưng anh T không nghe. Ngoài ra, anh T đi làm ăn xa nhưng bỏ bê vợ con, không hỏi han, chu cấp gì để nuôi con nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Gia đình hai bên cũng khuyên ngăn, hoà giải nhưng vợ chồng chị không thể hàn gắn. Từ thời điểm năm 2012 đến nay, vợ chồng anh chị đã chính thức sống ly thân, mọi quan hệ tình cảm và kinh tế chấm dứt từ đó. Cho đến nay, anh T vẫn làm ăn trong miền N, ít khi về. Nay chị xác định chị không còn tình cảm gì với anh T nữa, quan hệ hôn nhân của anh chị không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 03/7/2009 và cháu Nguyễn Tuấn Q, sinh ngày 01/10/2012. Các cháu do chị nuôi nấng chăm sóc từ bé và hiện vẫn ở với chị từ trước cho đến nay. Chị và các con đang sống tại nhà mẹ đẻ của chị là bà Nguyễn Thị H2, mẹ đẻ chị cũng hỗ trợ chị chăm sóc và nuôi nấng các cháu. Hiện nay chị làm Giáo viên có thu nhập ổn định, do vậy chị đủ khả năng để nuôi các con chung đến khi đủ tuổi trưởng thành. Nay ly hôn, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho các con chung, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được nuôi cả 02 con chung đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi, chị tự nguyện không yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại đơn trình bày và đề nghị được công chứng của anh T, anh T trình bày như sau: Hiện tại anh đang tạm trú tại phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Toà án. Anh đồng ý ly hôn với chị H và đồng ý chọn Toà án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng giải quyết vụ án ly hôn của anh chị. Do công việc ở xa nên anh đề nghị Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt anh trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà. Các quan điểm của anh như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh Hòa kết H3 ngày 04/7/2008 tại UBND phường N, thành phố H trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng

không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Chị H xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Nguyễn Mai H1 – sinh ngày 03/7/2009 và Nguyễn Tuấn Q – sinh ngày 01/10/2012. Hiện tại hai con chung đang ở cùng chị H. Sau khi ly hôn anh tự nguyện giao cả hai con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con thì anh cũng nhất trí, khi nào có điều kiện anh sẽ chu cấp cho các con anh sau

Về tài sản chung, nợ chung: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H2 là mẹ đẻ chị H xác định:

Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2012 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T đi làm ăn xa dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách, anh T không quan tâm gì đến gia đình, không phụ cấp thêm tiền chi tiêu trong cuộc sống cho chị H. Từ năm 2012 đến nay, anh chị đã sống ly thân với nhau. Hiện nay chị H và các con chung của anh chị đang sống cùng với bà. Nay chị H có đơn ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị H để chị H sớm ổn định cuộc sống. Chị H có nguyện vọng được nuôi hai con thì bà tôn trọng nguyện vọng của chị H, chị H có công việc và thu nhập ổn định nên sẽ đảm bảo việc nuôi con. Bà cũng sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho mẹ con chị H và trông con giúp chị H khi chị H đi làm.

Tại phiên tòa:

Chị H vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh T, chị đề nghị được nuôi các con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T vắng mặt và có đề nghị được xét xử vắng mặt, anh đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị H, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H được ly hôn, giao các con chung cho chị H nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn

giải quyết, chuyên hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai H1, sinh ngày 03/7/2009 và Nguyễn Tuấn Q, sinh ngày 01/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thanh H yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh T đang có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố K, phường B, thành phố Hải Phòng và đang tạm trú tại: phường B, thành phố Hồ Chí Minh, anh đồng ý chọn Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Hải Phòng giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên toà và có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt chị H, anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị H thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H, anh T là do anh T đi làm ăn xa, không quan tâm đến vợ con. Từ năm 2012 đến nay, anh chị đã sống ly thân với nhau, không ai

quan tâm đến ai. Chị H và anh T đến nay đều xác định không còn tình cảm với nhau. Chị H ly hôn anh T, anh T đồng ý ly hôn với chị H. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh H xin được ly hôn anh Nguyễn Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về quan hệ con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Mai H1, sinh ngày 03/7/2009 và cháu Nguyễn Tuấn Q, sinh ngày 01/10/2012. Hiện nay cả 02 con chung đều đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng được nuôi 02 con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị H có công việc và thu nhập ổn định, gia đình chị H luôn tạo điều kiện tốt nhất để chị nuôi con. Anh T đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cả 02 con chung. Các con chung đều có nguyện vọng xin được tiếp tục ở với chị H. Do vậy để đảm bảo sự ổn định, không bị xáo trộn về cuộc sống của các con chung nên cần giao con chung Nguyễn Mai H1 và Nguyễn Tuấn Q cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H có đơn xin ly hôn nên chị H phải nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Mai H1, sinh ngày 03/7/2009 và Nguyễn Tuấn Q, sinh ngày 01/10/2012 cho chị Nguyễn Thị Thanh H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/25E số 0002616 ngày 26/9/2025. Chị H đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị H, anh T. Chị H, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân phường Hải Dương, TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh